

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG
TỈNH TIỀN GIANG**

Số: 48/2018/QĐST-HNGĐ

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Tân Phú Đông, ngày 17 tháng 4 năm 2018.

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÂN PHÚ ĐÔNG**

Với Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Phạm Thị M

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Hu .
2. Ông Ngô Văn B .

Căn cứ vào các Điều 212, 213, 235 và 246 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 139/2017/TLST-HNGĐ ngày 20 tháng 11 năm 2017.

XÉT THẤY:

Tại phiên tòa các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án và thỏa thuận của các đương sự là tự nguyện, không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Bích T , sinh năm 1985.

Địa chỉ: Ấp Bãi Bu, xã Phú Th , huyện A, tỉnh Z.

Bị đơn: Anh Nguyễn Nhật L , sinh năm 1975.

Địa chỉ: Ấp Bãi Bu, xã Phú Th , huyện A, tỉnh Z.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

Về hôn nhân: Chị T và anh L thống nhất thuận tình ly hôn.

Về con chung: Chị T được trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 03 con chung gồm Nguyễn Nhật H , sinh ngày 01/02/2005; Nguyễn Nhật V , sinh ngày 15/7/2007 và Nguyễn Nhật D , sinh ngày 28/8/2014.

Anh L có trách nhiệm cấp dưỡng nuôi 03 con chung hàng tháng với mức cấp dưỡng cho mỗi người con là 1.000.000 đồng/tháng. Thực hiện cấp dưỡng từ khi án có

hiệu lực pháp luật cho đến khi các con chung đủ 18 tuổi và có khả năng lao động được.

Anh L được quyền thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung không ai được quyền cản trở.

Về tài sản chung, nợ chung: Không yêu cầu giải quyết.

Về án phí: Chị T phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 đồng theo biên lai thu số 48669 ngày 20/11/2017 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện A nên chị T đã nộp xong tiền án phí.

Anh L phải nộp 300.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với trường hợp cơ quan Thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) và kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án cho đến khi thi hành xong tất cả các khoản tiền, hàng tháng người phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 357 Bộ luật dân sự tương ứng với thời gian chưa thi hành án.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự./.

Nơi nhận:

- VKSND huyện A;
- TAND tỉnh Z;
- Chi cục THADS huyện A;
- Các đương sự;
- UBND xã Long Bi, huyện Gò Công TX;
- Lưu hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Phạm Thị M